

Bản án số: 06/2022/HC-ST
Ngày: 15/6/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mỹ Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 23/2020/TLST-HC ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1980

Nơi ĐKKH: X, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: X1, đường D, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

2. Người bị kiện: UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H1 – Phó Chủ tịch UBND huyện ĐH (Theo Giấy ủy quyền số 195/GUQ-UBND ngày 17/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện ĐH) - (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: X2, đường ND, phường TV, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công I - Chức vụ Trưởng PTNMT thành phố (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: X2, đường ND, phường TV, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.2. Bà Cẩm Thị LC, sinh năm 1959

Địa chỉ: X3, Y, thị trấn O, huyện ML, tỉnh Sơn La

3.3. Chị Cẩm Thùy L, sinh năm 1983

Địa chỉ nơi làm việc: Khoa XK, Bệnh viện YH tỉnh Sơn La.

3.4. Chị Cẩm T1, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi làm việc: Khoa D1, Bệnh viện YH tỉnh Sơn La.

Chị L và chị T1 đều ủy quyền cho bà Cẩm Thị LC

(Bà LC, chị L, chị T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm T6, xã H, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

3.6. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964 *(Có mặt)*

3.7. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1967 *(Có mặt)*

3.8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1977 *(Có mặt)*

Đều có địa chỉ: Xóm MĐ, xã LS, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

3.9. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1962 *(Có mặt)*

Địa chỉ: X4, phường CH, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thửa đất số 6, diện tích 959,2 m² và thửa đất số 7, diện tích 1649 m², đều thuộc tờ bản đồ số 2 xã LS, huyện ĐH (nay là TPTN), tỉnh Thái Nguyên có nguồn gốc là của vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn N. Năm 1983 ông N chết, bà M cùng các con sinh sống trên các thửa đất này, đến ngày 14/12/1999 thì được UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z mang tên hộ bà Nguyễn Thị M. Vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn N có 07 người con là ông Nguyễn Hồng T7, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T4.

Năm 2004, bà M chết không để lại di chúc. Năm 2008, những người con của ông N, bà M là ông T7, bà T2, bà T5, bà T3, bà T8, bà T4 lập văn bản phân chia di sản thừa kế, duy chỉ có bà T không có mặt, không tham gia lập văn bản phân chia di sản thừa kế vì khi đó bà T đang đi lao động ở nước ngoài (Ukraina). Nội dung văn bản phân chia di sản thừa kế là các bên nhất trí phân chia di sản thừa kế của bà M để lại cho ông Nguyễn Hồng T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn bản được UBND xã LS chứng thực vào ngày 30/7/2008.

Ngày 12/11/2008, ông Nguyễn Hồng T7 được UBND huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 2, diện tích 959,2 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, diện tích 1649 m². Năm 2017, ông T7 chết, không có di chúc.

Sau khi được các chị em trong gia đình thông tin về việc diện tích đất do cha mẹ chết để lại đã được sang tên cho ông T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T không nhất trí nên ngày 09/3/2020 đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 đều được UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7.

Lý do bà T khởi kiện vì bà cho rằng bà là một trong bảy anh chị em trong gia đình nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bà không được tham gia vào việc bàn bạc thống nhất để giao quyền cho ông T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên UBND huyện ĐH vẫn cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T7 làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện ĐH có ý kiến như sau: (BL 89)

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1, Z2 do UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 mang tên ông Nguyễn Hồng T7 có nguồn gốc do nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị M.

Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPTN cung cấp. Căn cứ theo quy định tại Điều 106, Điều 129 Luật đất đai 2003 và Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, UBND huyện xác định thời điểm cấp GCNQSD đất, hồ sơ đăng ký thừa kế QSD đất đã được UBND xã LS thiết lập đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định của pháp luật, do vậy việc UBND huyện ĐH cấp 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên cho ông Nguyễn Hồng T7 là đúng trình tự, thủ tục.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND TPTN có ý kiến như sau: (BL 155)

Ngày 08/7/2008, gia đình ông Nguyễn Hồng T7 lập văn bản phân chia di sản thừa kế QSD đất của bà Nguyễn Thị M. Nội dung văn bản các bên thống nhất tài sản thừa kế của bà M để lại cho ông Nguyễn Hồng T7 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Văn bản được UBND xã LS chứng thực ngày 30/7/2008. Ngày 12/11/2008 ông Nguyễn Hồng T7 được UBND huyện ĐH cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1, Z2. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T7 là theo quy định pháp luật về đất đai. Trường hợp bà Nguyễn Thị T là con của bà Nguyễn Thị M, nhưng lại không có tên trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 30/7/2008, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Nguyễn Thị T3: (BL 157)

Nguồn gốc đất là của bố mẹ bà khai hoang, năm 1983 bố bà mất. Đến năm 1999 UBND huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z ngày

14/12/1999 mang tên bà Nguyễn Thị M – là mẹ của bà. Đến năm 2004, bà M cho bà 78,8 m² đất tại thửa 6b, tờ bản đồ số 2.

Sau khi bà M chết, các anh chị em trong nhà đã họp lại để thống nhất chuyển toàn bộ diện tích đất của bố mẹ để lại sang tên anh trai bà là ông Nguyễn Hồng T7. Thời điểm đó bà T đang đi lao động ở nước ngoài không ký được biên bản, tuy nhiên ông T7 có gọi điện trao đổi và được bà T nhất trí tặng lại suất đất của mình cho ông T7. Bản thân bà T cũng biết việc ông T7 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì sau khi ông T7 được UBND huyện ĐH cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho bà T8 giữ bìa đỏ và thông báo cho bà T biết. Ngoài ra, năm 2010 bà T về nước để bốc mộ cho bà M, khi về nước bà T có ở cùng nhà với bà T8. Tuy nhiên, bà không đưa được ra căn cứ gì để chứng minh bà T có biết ông T7 đã được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị kiện.

- Bà Cầm Thị LC, chị Cầm T1, chị Cầm Thùy L: (BL 110, 111, 112)

Mẹ con bà LC, chị T1, chị L không nhất trí với nội dung đơn khởi kiện của chị T, bởi trước khi sang tên cho ông T7, năm 2008 gia đình bà đã trả tiền cho mỗi người 10 triệu đồng để mua lại mảnh đất đó, tại thời điểm năm 2008 giá đất rất rẻ. Nếu hủy quyền sử dụng đất mang tên ông T7 thì yêu cầu bà T trả lại tiền xây dựng nhà ở, xây tường bao quanh và 10 năm nuôi bà T ăn học, cùng các khoản tiền mua vé máy bay, tiền làm thủ tục xin đi xuất khẩu lao động năm 1987 cho gia đình bà. Yêu cầu các cô trả lại số tiền mà ông T7 đã trả để mua lại đất năm 2008.

- Bà T2, bà T5, bà T8, bà T4 (BL 147-154): Các bà đều thống nhất ý kiến và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đề nghị Tòa án hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 đều được UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 đều được UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7. Buộc UBND huyện ĐH phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng

cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về việc xác định đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 đều được UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7. Căn cứ theo Điều 52 Luật đất đai 2003, khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xã LS thuộc huyện ĐH. Tuy nhiên do điều chỉnh địa giới hành chính, xã LS nay thuộc TPTN nên căn cứ theo khoản 5 Điều 59 Luật tổ tụng hành chính, xác định UBND huyện ĐH là người bị kiện, UBND TPTN là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện UBND huyện ĐH, UBND TPTN, bà LC, chị T1, chị L có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T3 khai ngay sau khi ông T7 được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thông báo cho bà T biết, sau đó ông T7 giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T8 giữ. Năm 2010, bà T về nước bốc mộ mẹ và ở cùng nhà với bà T8. Tuy nhiên, bà T3 không đưa được ra căn cứ nào để chứng minh bà T đã biết ông T7 được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước năm 2010. Người bị kiện là UBND huyện ĐH không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh thời điểm bà T biết UBND huyện ĐH cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T7. Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đều trình bày đến ngày 11/01/2020 bà T mới được biết UBND huyện ĐH đã cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Hồng T7.

Tính từ ngày bà biết việc ông T7 được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày bà T làm đơn khởi kiện ra Toà án (ngày 09/3/2020) là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét nội dung khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

UBND huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003.

[3.2] Về trình tự, thủ tục cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ là hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7 và được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPTN cung cấp gồm:

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z, số vào sổ Z3 QSDĐ/677/199/QĐ-UB/H do UBND huyện ĐH cấp ngày 14/12/1999 mang tên hộ bà Nguyễn Thị M;
- Bản sao Giấy chứng tử của bà M
- Bản sao Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã LS chứng thực ngày 30/7/2008;
- Bản sao đơn xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất ngày 08/7/2008 của ông Nguyễn Hồng T7;

Sau khi xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối chiếu theo quy định tại Điều 129 Luật đất đai 2003; Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, HĐXX xác định việc UBND huyện ĐH cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T7 đã đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định.

[3.3] Về nội dung:

Tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã LS chứng thực ngày 30/7/2008, ông Nguyễn Hồng T7, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị T4 đều xác nhận các ông bà là người thừa kế của bà Nguyễn Thị M, trong nội dung văn bản phân chia các ông bà không khai báo với chính quyền địa phương việc bà Nguyễn Thị T cũng là con của bà M, thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, căn cứ theo giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị T cũng như lời khai của bà T3, bà T2, bà T8, bà T4, bà T5 tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa điều tra thừa nhận bà T là một trong bảy người con của cụ N và cụ M. Như vậy, bà T có quyền hưởng di sản do cụ M để lại theo quy định tại Điều 632 Bộ luật dân sự 2005, việc định đoạt, phân chia di sản do cụ M để lại phải được sự đồng ý của bà T. UBND huyện ĐH căn cứ theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã LS chứng thực ngày 30/7/2008 nhưng không có ý kiến của bà T để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7 là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] Đối với yêu cầu của bà LC, chị L, chị T1 về việc yêu cầu trả lại tiền mua đất, tiền xây dựng nhà ở, tường rào...không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hành chính nên HĐXX không xem xét. Liên quan đến việc tranh chấp di sản thừa kế, các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự để được xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện ĐH phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 59, Điều 115, Điều 116, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 52, Điều 129 Luật đất đai 2003; Điều 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z1 do UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z2 do UBND huyện ĐH cấp ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Hồng T7.

2. Về án phí:

- Buộc UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008984 ngày 08/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông C, bà T2, bà T5, bà T8, bà T4; vắng mặt UBND huyện ĐH, UBND TPTN, bà LC, chị L, chị T1. Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao- Hà Nội.
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

